

Gia Viên, ngày 05 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN
Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường
Năm học 2024 - 2025

1. Thời gian: 8 giờ 00 ngày 05 tháng 3 năm 2025

2. Địa điểm: Hội trường trường Tiểu học Kim Đồng

3. Thành phần

3.1. Chủ trì: Bà Lâm Thị Bích Liên – Hiệu trưởng – Trưởng ban chỉ đạo

3.2. Thư ký: Bà Lê Thị Thu Hà – Thành viên ban chỉ đạo

3.3. Thành phần khác: Thành viên ban chỉ đạo: Bà Phạm Thị Vân Anh – Phó Hiệu trưởng; Bà Nguyễn Thị Loan; Bà Đỗ Thị Lua; Bà Nguyễn Thị Thu Thủy; Bà Phạm Thị Thanh Hằng; Bà Nguyễn Thùy Trang; Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Thực hiện Kế hoạch số 41/PGDDĐT ngày 12/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Ngô Quyền về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các trường mầm non, tiểu học, THCS năm học 2024 – 2025, Trường Tiểu học Kim Đồng đã tiến hành tự đánh giá, mức độ chuyển đổi số trong nhà trường theo quy định.

Kết quả tự đánh giá, xếp loại như sau:

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
I	Chuyển đổi số trong dạy, học	100	89		
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Số 145D/KH-THKĐ ngày 08/9/2024, kế hoạch về việc dạy học trực tuyến năm học 2024 - 2025
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Số 145C/QĐ-THKĐ ngày 06/9/2024, Quyết định ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2024 - 2025



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
1.3.	<p>Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: <ol style="list-style-type: none"> (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh. 	30	6 điểm.	28 Mức độ 3	Sử dụng các phần mềm Zoom; google meet; MS Teams; Zalo
	22 điểm.				
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	8 điểm	8 Mức độ 3	3000 bài giảng điện tử https://taphuan.cSDL.edu.vn/user/login
1.5.	<p>Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)</p> <p>Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường</p>	20	14 điểm	18 Mức độ 3	<p>Có phần mềm máy tính kết nối mạng Internet, mạng LAN. Tên giải pháp phần mềm : Netop school 6;12 để quản lý phòng máy.</p> <p>Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường: Zoom; google meet; MS Teams, Form..</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	7 điểm	20 Mức độ 3	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		6 điểm.		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	8 điểm	15 Mức độ 3	
	Mức độ đáp ứng yêu cầu môn Tin học		7 điểm		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		0 điểm		
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100	84		
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Số 253A/QĐ-THKĐ ngày 13/12/2024, Quyết định về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số năm học 2024 – 2025



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Số 175L/KH-THKĐ ngày 08/10/2024, Kế hoạch quản lý và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu trên hệ thống CSDL ngành Giáo dục và đào tạo Hải Phòng năm học 2024 – 2025 Số 184/KH-THKĐ ngày 14/10/2024, Kế hoạch chỉ đạo Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy năm học 2024 - 2025
2.3	<p>Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường - Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) - Có triển khai số điểm điện tử, học bạ điện tử, chữ ký số - Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) 	70	<p>0 điểm</p> <hr/> <p>6 điểm</p> <hr/> <p>20 điểm</p> <hr/> <p>6 điểm</p> <hr/> <p>5 điểm</p> <hr/> <p>5 điểm</p> <hr/> <p>6 điểm</p> <hr/> <p>6 điểm</p>	<p>Mức độ</p> <p>1: dưới 20 điểm</p> <p>Mức độ</p> <p>2: từ 20-50 điểm</p> <p>Mức độ</p> <p>3: trên 50 điểm</p>	<p>csdl.haiphong.edu.vn</p> <p>csdl.haiphong.edu.vn</p> <p>csdl.haiphong.edu.vn; phần mềm MISA(Haiphong.qlcb.vn</p> <p>Phần mềm MISA</p>

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng (Đối với các minh chứng là văn bản, quy chế của nhà trường, yêu cầu ghi rõ số, ngày ban hành, tên văn bản)
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	8 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-	https://azota.vn/de-thi/b/dbc ; https://WWW.vuihoc.vn/tieuhoc csdl.haiphong.edu.vn Phần mềm thu chi MISA, phần mềm ngân hàng Vietcombank
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		12 điểm	18 điểm	
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		10 điểm	Mức độ 3: trên 18 điểm	

*** Tự nhận xét, đánh giá:**

- Ưu điểm:

+ Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

+ Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ cho đội ngũ CB – GV - NV nhà trường. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn trường. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, duyệt giáo án qua drive và hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên đều vận dụng hiệu quả, tích cực.

+ Về nhân lực, nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tin học được đưa vào giảng dạy bắt buộc lớp 3, lớp 4, lớp 5 và 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 được học Tin học 01 tiết/ tuần; mô hình giáo dục STEM bước đầu giáo viên được tiếp cận, tiến tới dạy lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống. Đã xây dựng được 01 phòng học Stem và thành lập được CLB lập trình Robot cho những học sinh yêu thích và có đam mê.

+ Về dạy - học, 100% giáo viên toàn trường sử dụng thành thạo CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử e-learning có chất lượng, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm ...góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời.



- Tồn tại, hạn chế:

+ Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

+ Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh. Vì vậy hiện nay vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử...) chưa thật phong phú.

+ Trình độ tin học của CBGVNV chưa bắt kịp với yêu cầu ngày càng cao của giáo dục nên việc thực hiện UDCNTT còn gặp trở ngại. Nhà trường không có cán bộ chuyên trách về CNTT.

Kết quả đánh giá, xếp loại trên đã được tất cả các thành viên của Hội đồng tự đánh giá nhất trí với kết quả **173 điểm**, tất cả các thành viên của Hội đồng tự đánh giá nhất trí và ký tên vào biên bản.

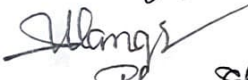
Buổi tự đánh giá kết thúc vào hồi 11 giờ 20 phút ngày 05/3/2025


THƯ KÝ



Lê Thị Thu Hà

CÁC THÀNH VIÊN KHÁC


Nguyễn Thủy Băng


Phạm Thị Thanh Hằng


Nguyễn Thị Thu Thủy


Nguyễn Thị Loan


Phạm Thị Lan Anh


Đỗ Thị Lụa

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ




HIỆU TRƯỞNG
Lâm Thị Bích Liên